

Bản án số: 74/2026/HS-ST
Ngày: 03 - 09 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Tuấn

Bà Lê Thị Tâm

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Bùi Đức Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 03/9/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 67/2026/TLST-HS, ngày 14/8/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1037/2026/QĐXXST-HS, ngày 20/08/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Văn N**; sinh ngày: 20/04/1958; tại **xã T, tỉnh Thanh Hóa**; nơi cư trú: **thôn S (Nay là thôn S), xã T, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 07/10; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bùi Văn K**; con bà: **Quách Thị M**; Có vợ là **Quách Thị N1** và có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1976, con nhỏ nhất sinh năm 1986; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/06/2026 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo** **Bùi Văn N**: Ông **Phạm Thanh T** – trợ giúp viên pháp lý thuộc **trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh T**; Có mặt.

- **Người bị hại**: Chị **Nguyễn Thị N2**; sinh năm 1995; nơi cư trú: **Thôn H, xã H, tỉnh Thanh Hóa**; Có mặt.

- **Người làm chứng**:

+ Chị **Bùi Thị T1**, sinh năm: 1987; Địa chỉ: **Thôn B T, xã K, tỉnh Thanh Hóa**; Có mặt.

+ Chị **Đỗ Thị D**, sinh năm: 1979; Địa chỉ: **Thôn B T, xã K, tỉnh Thanh Hóa**; Có mặt.

+ Chị **Bùi Thị H**, sinh năm: 1985; Địa chỉ: **Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa**; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 05/5/2026, chị **Nguyễn Thị N2**, sinh năm 1995, trú tại **xã H, tỉnh Thanh Hóa** đi cùng chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1985, trú tại **xã T, tỉnh Thanh Hóa** và Chị **Bùi Thị T1**, sinh năm 1987, Chị **Đỗ Thị D**, sinh năm 1979, đều trú tại **xã K, tỉnh Thanh Hóa** đến nhà **Bùi Văn N** tại **thôn S, xã T, tỉnh Thanh Hóa** để thống nhất và hoàn tất thủ tục mua bán đất. Trong lúc nói chuyện, chị **N2** và chị **T1** đưa bản hợp đồng ra, nói lại các điều khoản để **Ngọc** xem lại và ký hồ sơ chuyển nhượng. Tuy nhiên, **N** cho rằng phần đất còn lại của gia đình **N** sau khi trích đo không đúng với thỏa thuận ban đầu nên không ký giấy tờ, còn chị **N2** thì vẫn khẳng định phần đất trích đo là đúng so với hợp đồng đã thỏa thuận. Do đó, xảy ra mâu thuẫn giữa **N** và chị **N2**, hai bên lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau. **Ngọc** giằng tờ hợp đồng ném ra sân, do bức tức, không kiềm chế được nên **N** đứng dậy dùng tay phải cầm 02 (hai) chiếc cốc thủy tinh cùng loại (Cốc có chiều cao 9,5cm, đường kính miệng cốc 08cm, quai rộng 3,5cm) ở bàn uống nước dọa đánh chị **N2**. Chị **T1** thấy **N** cầm cốc thủy tinh và hung hãn nên cầm ghế gỗ nhỏ (loại ghế ngồi bệt) có sẵn ở sân nhà **N** để phòng vệ. Sau đó, **N** chuyển sang cầm mỗi bên tay 01 (một) chiếc cốc và tiến lại phía chị **T1** giơ cốc bên tay phải lên để đe dọa, chị **T1** bỏ chạy ra hướng bên ngoài đường bê tông. **Bùi Văn N** quay vào thì thấy chị **N2**, **N** dùng tay phải đang cầm 01 chiếc cốc thủy tinh đập một cái hướng từ trên xuống vào vùng đỉnh đầu của chị **N2**. Hậu quả, chị **N2** bị 01 vết thương rách da, chảy máu, dài 3,5cm tại vùng đỉnh đầu, phải đi cấp cứu và điều trị tại **Cơ sở Y**.

Ngày 12/6/2026, chị **Nguyễn Thị N2** có đơn đề nghị xử lý hình sự đối với **Bùi Văn N** gửi tới Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh T**.

Ngày 08/5/2026, Công an CSĐT **Công an tỉnh T** tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ việc tại gia đình **Bùi Văn N** có địa chỉ tại **thôn S, xã T, tỉnh Thanh Hóa**. Hiện trường đã bị sáo trộn do quá trình sinh hoạt và thời tiết. Hiện trường nơi xảy ra vụ việc là khu vực phía ngoài sân của gia đình **N**. Xác định các hướng của hiện trường cụ thể như sau: Hướng bắc là khu nhà ở của **Bùi Văn N**; Hướng nam là đường đi ra cổng nhà **Bùi Văn N**; **H1** đông là nhà ở của ông **Bùi Thanh Đ**; Hướng tây là ao nước nhà **Bùi Văn N**; Khu vực xảy ra xô xát được lát gạch, đổ bê tông tương đối bằng phẳng, phía ngoài là vườn cây trồng ổi.

Kết quả rà soát, thu thập camera tại hiện trường và khu vực xung quanh: Tại biên bản thu thập dữ liệu phục vụ điều tra ngày 06/5/2026, kết quả: Thu thập được đoạn video có trong điện thoại SAMSUNG A13, vỏ màu xanh ngọc của chị **Bùi Thị H** ghi lại nội dung vụ việc, đoạn video trên đã được niêm phong trong USB của Cơ quan điều tra. Tiến hành giám định kỹ thuật đối với đoạn video quay lại sự việc, tại Kết luận giám định số 2763/KL-KTHS ngày 12/6/2026 của **Phòng K1 Công an tỉnh**

T kết luận: “Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tệp video lưu trong mẫu vật gửi giám định.”

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể chị **Nguyễn Thị N2** ngày 08/5/2026, ghi nhận: Vùng đỉnh đầu có 01 vết thương rách da kích thước 3,5cm, đã khâu sơ cứu.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 3272/KL-KTHS ngày 11/6/2026 của **V Bộ C1** kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với chị **Nguyễn Thị N2** kết luận: Đối chiếu Bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của **Bộ Y1**, áp dụng Nguyên tắc 1 và Mục I.1, **C** 8, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với sẹo vùng đỉnh kích thước nhỏ của chị **Nguyễn Thị N2** tại thời điểm giám định là: 01% (một phần trăm). *Tổn thương tại vùng đầu của chị **Nguyễn Thị N2** do vật tày gây ra.*

Cơ quan CSĐT tiến hành thu thập mẫu máu bám dính và trung cầu giám định ADN trong quá trình xác định hiện trường. Tại bản kết luận giám định ADN số 2530/KL-KTHS ngày 01/6/2026 của Phòng PC09 **Công an tỉnh T**: "Mẫu chất bám dính tại hiện trường là máu của chị **Nguyễn Thị N2**"

Về vật chứng vụ án: **Công an xã T** đã tiến hành thu giữ đồ vật, tài liệu gồm: 02 cốc thủy tinh có cùng đặc điểm, cao 9,5cm, đường kính miệng cốc 08cm, rộng quai 3,5cm (Thu giữ tại vị trí số 1 thể hiện trong biên bản xác định hiện trường).

Đối với vật chứng nêu trên hiện đang được bảo quản tại Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh T** chờ xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra vụ việc, bị hại **Nguyễn Thị N2** có đơn yêu cầu **Bùi Văn N** bồi thường chi phí điều trị tại cơ sở y tế và tổn thất tinh thần với số tiền là 55.016.500 đồng; cụ thể:

- + Chi phí điều trị thuốc men tại **bệnh viện Đ1**, gồm 03 hóa đơn tổng số tiền 21.636.500 đồng
- + Chi phí ăn uống trong 15 ngày nằm viện mỗi ngày 200.000 đồng số tiền là 3.000.000 đồng
- + **T2** gửi xe 500.000 đồng
- + Chi phí sơ cứu tại **trạm y tế xã T** là 880.000 đồng
- + Tiền thuê xe ăn uống đi giám định 02 lần số tiền 4.000.000 đồng
- + Tiền tổn thất do không lao động được khi nằm viện và sau khi xuất viện 01 tháng số tiền là 15.000.000 đồng
- + Tổn thất tinh thần số tiền 10.000.000 đồng.

Đến nay bị cáo **Bùi Văn N** chưa thỏa thuận bồi thường được với chị **N2**, Ngày 27/8/2026 bị cáo đã nộp tiền tạm ứng để bồi thường cho chị **N2** tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKSKV7 ngày 12/08/2026, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hoá đã truy tố **Bùi Văn N** về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 BLHS, xử phạt **Bùi Văn N** từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: đề nghị HĐXX tịch thu tiêu huỷ 02 cốc thủy tinh có đặc điểm cao 9,5cm đường kính miệng 08cm, quai rộng 3,5cm, **N** dùng để gây thương tích cho chị **N2**, hiện vật chứng nêu trên đang được bảo quản tại CQCSĐT **Công an tỉnh T**.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo **Bùi Văn N** phải bồi thường cho chị **Nguyễn Thị N2** các khoản tiền gồm:

- Tiền thuê xe cấp cứu và thuê xe đi tái khám, tổng cộng 02 lần thuê xe với số tiền 2.000.000 đồng.

- Tiền chi phí điều trị và mua thuốc có hóa đơn và tiền sơ cứu tại **trạm y tế xã T** tổng số tiền là 21.636.500 + 880.000 đồng = 22.516.500 đồng. Tuy nhiên trong khoản chi phí nộp hóa đơn của **bệnh viện Đ1**, đối với khoản chi phí tiền thuê phòng trong thời gian bị hại điều trị với mức 1.000.000 đồng/ngày, chị **N2** đã cung cấp hóa đơn, xét thấy: mặc dù việc bị hại phải điều trị do hành vi phạm tội gây ra và các chi phí hợp lý phục vụ cho việc chữa trị, phục hồi sức khỏe có thể được xem xét bồi thường theo quy định của pháp luật, tuy nhiên mức chi phí yêu cầu bồi thường phải bảo đảm tính thực tế, hợp lý. Trong vụ án này, mức chi phí thuê phòng 1.000.000 đồng/ngày là tương đối cao so với mặt bằng chi phí điều trị, lưu trú thông thường tại địa phương. Trường hợp bị hại lựa chọn sử dụng dịch vụ phòng điều trị hoặc phòng lưu trú có mức chi phí cao hơn nhu cầu điều trị cần thiết thì phần chi phí vượt quá mức hợp lý không thể buộc bị cáo phải chịu toàn bộ. Do đó, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định về thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm đề nghị chỉ chấp nhận một phần khoản chi phí tiền phòng là 7.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền chi phí điều trị có hóa đơn và tiền sơ cứu tại **trạm y tế xã T** đề nghị chấp nhận tổng số tiền là 15.516.500 đồng.

- Tiền ăn trong 15 ngày nằm viện mỗi ngày 200.000 đồng số tiền là 3.000.000 đồng.

- Tiền bồi thường tiền tổn thất tinh thần bằng 02 tháng lương cơ sở với số tiền là 5.060.000 đồng.

- Tiền mất thu nhập của người bị hại trong 15 ngày với mức tiền công 300.000 đồng mỗi ngày, số tiền là 4.500.000 đồng.

Tổng số tiền đề nghị hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại là 30.076.500 đồng (Ba mươi triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng)

Hiện bị cáo **N** đã bồi thường cho chị **N2** số tiền 20.000.000 đồng. Do đó bị can **N** còn phải bồi thường cho chị **N2** số tiền là 10.076.500 đồng.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Phản tranh tụng tại phiên tòa:

Bị cáo **Bùi Văn N** thừa nhận hành vi như cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân mô tả và truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự và có ý kiến mức yêu cầu bồi thường thiệt hại do bị hại yêu cầu là cao so với thương tích bị cáo gây ra cho bị hại và đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Ý kiến trình bày của người bào chữa cho bị cáo **Bùi Văn N***: Thống nhất với tội danh, các điều luật mà đại diện VKSND đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo phạm tội do mâu thuẫn bộc phát. Bị cáo là người có nhân thân tốt có nơi cư trú rõ ràng, thương tích bị cáo gây ra cho người bị hại chỉ là 1 %. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Đối với phần bồi thường thiệt hại về dân sự cho bị hại đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận mức bồi thường như đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi và đồng thời là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí sơ thẩm. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

* *Ý kiến của người bị hại*: Bị cáo đã cố ý gây thương tích cho bị hại, sau khi gây thương tích cho bị hại, bị cáo không trực tiếp đứng ra xin lỗi và thỏa thuận với người bị hại mà nhờ các con đứng ra gọi điện để thỏa thuận nhưng bị hại không chấp nhận. Về trách nhiệm hình sự đề nghị hội đồng xét xử xét xử bị cáo đúng theo quy định của pháp luật. Về bồi thường thiệt hại dân sự, nhưng khoản yêu cầu bồi thường mà người bị hại đưa ra đều là những chi phí thực tế và thiệt hại thực tế bị cáo gây ra cho bị hại. Do đó người bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu về bồi thường thiệt hại.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo hối hận về hành vi của mình gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 05/5/2026, do có mâu thuẫn về việc mua bán đất giữa Bùi Văn N và chị Nguyễn Thị N2 tại thôn S (nay là thôn S), xã T, tỉnh Thanh Hóa. Bùi Văn N dùng cốc thủy tinh là hung khí nguy hiểm đập 01 cái theo phương thẳng đứng, hướng từ trên xuống vào vùng đầu của chị N2 gây nên thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 01% (Một phần trăm). Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội: Đây là vụ án cố ý gây thương tích có tính chất ít nghiêm trọng do Bùi Văn N thực hiện. Tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó cần phải xử lý để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[5]. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại điều 65 Bộ luật Hình sự và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không thống nhất được các khoản bồi thường, mức bồi thường. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do người bị hại giao nộp, căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 584,585,586,590 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy, theo hồ sơ bệnh án chị **Nguyễn Thị N2** điều trị tại **Bệnh viện Đ1** từ ngày 05/05/2026 đến ngày 18/05/2026 thì xuất viện tổng cộng là 14 ngày. Các khoản chi phí theo yêu cầu của người bị hại được chấp nhận như sau:

- Đối với các khoản tiền thuê xe cấp cứu và thuê xe đi tái khám, giám định sức khỏe, tổng cộng 02 lần thuê xe với số tiền 4.000.000 đồng. Đây là các khoản tiền thực tế phù hợp với thời gian bị gây thương tích và phù hợp với giá cả thuê xe nên được chấp nhận.

- Đối với các khoản yêu cầu: Chi phí điều trị tại bệnh viện và tiền sơ cứu tại trạm y tế xã khi mới bị gây thương tích tổng số tiền Theo hóa đơn bảng kê chi phí chị **N2** giao nộp cho Tòa án thì tổng số tiền chi phí điều trị và mua thuốc có hóa đơn, chứng từ là 22.516.500 đồng. Chi phí này đều có hóa đơn, chứng từ và phù hợp với thực tế nên được chấp nhận toàn bộ

- Đối với khoản tiền mất thu nhập của người bị hại do thương tích gây nên chị **N2** yêu cầu bồi thường tiền công mất thu nhập trong 30 ngày với số tiền 15.000.000 đồng. HĐXX xét thấy chị **N2** nằm viện 14 ngày và cần có thời gian hồi phục sức khỏe nên chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền công bị mất thu nhập trong 30 ngày. Tuy nhiên chị **N2** là lao động tự do không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện mức thu nhập thực tế. Do đó chỉ chấp nhận mức yêu cầu tiền công bằng với mức thu nhập trung bình tại địa phương nơi chị **N2** cư trú đã có xác minh về thu nhập của cơ quan điều tra số tiền được chấp nhận là 6.325.000 đồng.

- Đối với yêu cầu của người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần bằng 10.000.000 đồng. HĐXX xét thấy thương tích của **N2** không lớn nên chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại bằng 02 tháng lương cơ sở với số tiền là 5.060.000 đồng là phù hợp.

- Đối với yêu cầu bồi thường về tiền ăn 200.000 đồng mỗi ngày và tiền gửi xe 500.000 đồng. Những chi phí này không nằm trong chi phí điều trị và không có tài liệu chứng cứ thể hiện do đó không chấp nhận đối với những yêu cầu bồi thường này.

Tổng số tiền hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại là 37.901.500 đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm linh một nghìn năm trăm đồng). Bị cáo đã nộp tiền tạm ứng cho chị **N2** tại thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa số tiền 20.000.000 đồng. Do đó bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho chị **N2** số tiền 17.901.500 đồng.

[7] Xử lý vật chứng: Đối với 02 cốc thủy tinh bị cáo sử dụng để đe dọa và gây thương tích cho người bị hại đến nay không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi và đồng thời là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và đã có đơn đề nghị miễn tiền án phí do đó miễn toàn bộ tiền án phí dân sự và hình sự sơ thẩm cho bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65; Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Các điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật Dân sự:

- **Tuyên bố:** Bị cáo **Bùi Văn N** phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.
- Xử phạt: **Bùi Văn N** 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Bùi Văn N** cho Ủy ban nhân dân xã **T**, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 66, Điều 87 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Bùi Văn N** phải bồi thường cho chị **Nguyễn Thị N2** tổng số tiền là 37.901.500 đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm linh một nghìn năm trăm đồng). Nhưng được trừ vào số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) bị cáo đã nộp tạm ứng bồi thường thiệt hại cho chị **Nguyễn Thị N2** tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tiền ký hiệu BLTT/26E, số 0000632 ngày 27/8/2026. Bị cáo **Bùi Văn N** còn phải tiếp tục bồi thường cho chị **Nguyễn Thị N2** số tiền 17.901.500 đồng (Mười bảy triệu chín trăm linh một nghìn năm trăm đồng).

Khoản tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ khi chị **Nguyễn Thị N2** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo **Bùi Văn N** chưa thi hành án khoản tiền bồi thường thiệt hại, thì hàng tháng bị cáo **N** phải chịu thêm khoản tiền lãi quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 02 cốc thủy tinh có cùng đặc điểm, cao 9,5cm, đường kính miệng cốc 08cm, rộng quai 3,5cm. Vật chứng hiện tại đang được lưu giữ tại Kho vật chứng thuộc phân trại tạm giam Cẩm thủy Cơ sở A – PC11 công an tỉnh T, theo Phiếu nhập kho vật chứng số 45/PNK ngày 24/06/2026.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Văn N.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bào chữa, người bị hại. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn

Lê Thị Tâm

Bùi Văn Hải

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND khu vực 7 - Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Văn Hải